

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1663* /UBND-NN

Vĩnh Linh, ngày *15* tháng 9 năm 2022

V/v thông báo kết quả quan trắc
môi trường nuôi tôm nước lợ trên
địa bàn tỉnh Quảng Trị, Đợt 4,
ngày 07/9/2022

Kính gửi: UBND các xã: Hiền Thành, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thái.

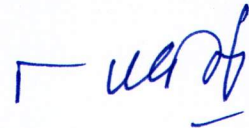
Ngày 13/9/2022, UBND huyện nhận được Thông báo số 256/TB-CCTS của Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Trị về việc thông báo kết quả quan trắc môi trường nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Đợt 4, ngày 07/9/2022 (*Sao gửi kèm*);

UBND huyện yêu cầu UBND các xã thông báo tới các Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản, tổ hợp tác, các cơ sở nuôi trồng thủy sản kết quả quan trắc và khuyến cáo cơ sở nuôi biết và thực hiện./ *ghu*

Nơi nhận: *ghu*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NN. *ht*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ,
ĐỢT 4, NGÀY 07/9/2022

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐIỂM QUAN TRẮC

TT	Tên điểm quan trắc		Ngày lấy mẫu	Đặc điểm thời tiết	Tọa độ		Mô tả điểm quan trắc
					Kinh độ	Vĩ độ	
1	Hiền Thành	Vùng nước cấp (NCHT)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1881591	586477	Ao chứa nước cấp khu nuôi tôm HTX NTTS Vĩnh Thành thuộc hệ thống sông Bến Hải
2	Vĩnh Sơn	Ao đại diện (ANVS)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1880781	584496	Ao nuôi ông Nguyễn Hải Khôi, thôn Huỳnh Xá Hạ
		Vùng nước cấp (NCVS)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1880842	584530	Nước sông Sa Lung thuộc khu vực nuôi tôm thôn Huỳnh Xá Hạ
3	Vĩnh Thái	Vùng nước cấp (NCVTH)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1893208	586092	Nước biển ven bờ thuộc khu vực nuôi tôm thôn Tân Hòa
4	Trung Giang	Ao đại diện	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1880632	591859	Ao nuôi ông Hoàng Thế Vinh, thôn Nam Sơn
		Vùng nước cấp	07/9/2022	Trời nắng,	1880943	592299	Nước biển ven bờ khu vực nuôi tôm thôn

TT	Tên điểm quan trắc	Ngày lấy mẫu	Đặc điểm thời tiết	Tọa độ	Mô tả điểm quan trắc
	(NCTG)		gió nhẹ		Nam Sơn
5	Vùng nước cấp (NCGM)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1866581	Nước sông Thạch Hãn thuộc khu vực nuôi tôm thôn Mai Xá
6	Vùng nước cấp (NCTA)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1868594	Nước biển ven bờ thuộc khu vực nuôi tôm thôn Hà Tây
7	Vùng nước cấp (NCTP)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1866130	Nước sông Thạch Hãn thuộc khu vực nuôi tôm thôn Bắc Phước
8	Ao đại diện (ANTL)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1859942	Ao nuôi ông Lê Minh Phước, thôn 2
	Vùng nước cấp (NCTL)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1860117	Nước biển ven bờ thuộc khu vực nuôi tôm thôn 3
9	Ao đại diện (ANHA)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1858177	Ao nuôi ông Phan Thanh Tôn, thôn Tây Tân An
	Vùng nước cấp (NCHA)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1858316	Nước biển ven bờ thuộc khu vực nuôi tôm thôn thôn Thuận Dầu
10	Ao đại diện (ANDG)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1862612	Ao nuôi ông Hoàng Văn Cường, Khu phố 6
	Vùng nước cấp (NCBG)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1862332	Nước sông Hiếu thuộc khu vực nuôi tôm HTX Đông Giang 2
11	Vùng nước cấp (NCBL)	07/9/2022	Trời nắng, gió nhẹ	1863810	Nước sông Thạch Hãn thuộc khu vực nuôi tôm khu phố Lập Thạch

II. THÔNG BÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC

1. Kết quả quan trắc

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Giới hạn cho phép	Đơn vị tính	Vĩnh Thái	Vĩnh Sơn	Hiền Thành	Trung Giang	Gio Mai	Triệu An	Triệu Lãng	Triệu Phước	Hải An	Đông Giang	Đông Lễ
I	Mẫu nước ao nuôi đại diện														
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	18 - 33	°C	-	25,5	-	26,7	-	-	27,1	-	26,7	26,8	-
2	pH	TCVN 6492:2011	7 ÷ 9	-	-	8,0	-	7,8	-	-	7,5	-	7,3	8,1	-
3	Độ mặn	SMEWW 2520B:2017	5 - 35	‰	-	10,4	-	27,7	-	-	32,6	-	31,9	16,1	-
4	Độ trong	Đĩa Secchi	20 - 50	cm	-	33	-	33	-	-	33	-	37	30	-
5	Độ kiềm tổng số	TCVN 6636-1:2000	60 - 180	mgCaCO ₃ /l	-	270	-	111	-	-	121	-	117	180	-
6	H ₂ S	TCVN 6637:2000	<0,05	mg/l	-	0,19	-	KPH(0,03*)	-	-	KPH(0,03*)	-	KPH(0,03*)	0,05	-
7	DO	TCVN 7325:2016	≥3,5	mg/l	-	5,9	-	5,9	-	-	5,9	-	5,9	6,0	-
8	NO ₂ ⁻ tính theo N	TCVN 6178:1996	0,05	mg/l	-	0,09	-	KPH(0,01*)	-	-	0,02	-	KPH(0,01*)	KPH(0,01*)	-
9	NH ₄ ⁺ tính theo N	SMEWW 4500NH ₃ B&F:2017	<0,3	mg/l	-	2,64	-	0,90	-	-	2,12	-	1,88	2,30	-
10	NO ₃ ⁻ tính theo N	TCVN 6180:1996	2	mg/l	-	0,47	-	0,51	-	-	0,34	-	0,44	0,21	-
11	PO ₄ ³⁻ tính theo P	TCVN 6202:2008	0,2	mg/l	-	KPH(0,03*)	-	0,06	-	-	0,14	-	0,08	KPH(0,03*)	-
12	TSS	TCVN 6625:2000	50	mg/l	-	63	-	13	-	-	37	-	37	53	-
13	COD	SMEWW 5220C:2017	≤10	mg/l	-	25	-	33	-	-	29	-	30	32	-
14	Coliform	TCVN 6187-2:2020	1000	MPN/100ml	-	95	-	222	-	-	207	-	24	2220	-
15	Vibrio tổng số	SMEWW 9260H:2017	≤1000	CFU/ml	-	2,4 x 10 ³	-	470	-	-	4,3 x 10 ³	-	7,9 x 10 ³	1,3 x 10 ³	-

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Giới hạn cho phép	Đơn vị tính	Vĩnh Thái	Vĩnh Sơn	Hiền Thành	Trung Giang	Gio Mai	Triệu An	Triệu Lăng	Triệu Phước	Hải An	Đông Giang	Đông Lễ
16	Vibrio parahaemolyticus	SMEWW 9260H:2017	-	CFU/ml	-	Âm tính	-	Âm tính	-	-	1,5 x 10 ³	-	Âm tính	Âm tính	-
17	Mật độ và thành phần tảo	SMEWW 10200A-J:2017	-												
17.1	Mật độ tảo			Tế bào/lít	-	86417	-	1133	-	-	11083	-	9200	83433	-
	Tảo Silic				-	1750	-	1133	-	-	5833	-	0	83000	-
	<i>Cyclotella sp</i>				-	84667	-	0	-	-	0	-	2800	0	-
	<i>Chaetoceros sp</i>				-	0	-	0	-	-	0	-	0	0	-
	<i>Nitzschia closterium</i>				-	0	-	0	-	-	5250	-	0	0	-
	Tảo Lục				-	0	-	0	-	-	0	-	6400	433	-
17.2	<i>Chloromonas sp</i>			Tỉ lệ bắt gặp (%)											
	<i>Closterium sp</i>														
	Tảo Giáp				-	2,03	-	-	-	-	47,22	-	-	-	-
	<i>Peridinium sp</i>				-	-	-	100	-	-	-	-	-	36,20	-
	Tảo Lam				-	-	-	-	-	-	5,41	-	-	63,28	-
	<i>Oscillatoria lemmermanii</i>														
	<i>Chroococcus turgidus</i>					72,90	-	-	-	-	-	-	24,64	-	-
	Tảo Silic				-	25,07	-	-	-	-	-	-	5,80	-	-
	<i>Cyclotella sp</i>														
	<i>Chaetoceros sp</i>				-	-	-	-	-	-	47,37	-	-	-	-

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Giới hạn cho phép	Đơn vị	Vinh Sơn	Vinh Thái	Hiện Thành	Trung Giang	Gio Mai	Trị An	Trị An Làng	Trị An Phước	Hải An	Đông Giang	Đông Lễ
		<i>Nitzschia closterium</i>													
		Tảo Lục													
		<i>Chloromonas sp</i>													
II	Mẫu nước cấp													0,52	-
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	18 - 33	°C	26,2	24,7	25,8	25,2	28,1	27,4	26,8	27,4	27,2	28,2	28,7
2	pH	TCVN 6492:2011	7 ÷ 9	-	8,0	6,7	6,5	8,1	6,3	8,0	7,6	7,4	8,2	7,8	7,2
3	Độ mặn	SMEWW 2520B:2017	5 - 35	%	30,8	17,9	14,5	31,3	8,8	30,5	33,4	9,3	32,8	4,0	5,3
4	Độ trong	Dia Secchi	20 - 50	cm	39	35	36	38	37	40	34	33	40	37	46
5	Độ kiềm tổng số	TCVN 6636-1:2000	60 - 180	mgCaCO ₃ /l	106	80	73	106	62	107	106	62	109	77	56
6	H ₂ S	TCVN 6637:2000	<0,05	mg/l	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)
7	DO	TCVN 7325:2016	≥3,5	mg/l	6,1	6,1	6,1	6,2	6,0	6,2	6,2	6,2	6,2	6,0	6,3
8	NO ₂ ⁻ tính theo N	TCVN 6178:1996	0,05	mg/l	KPH(0,01*)	KPH(0,01*)	KPH(0,01*)	KPH(0,01*)	KPH(0,01*)	KPH(0,01*)	KPH(0,01*)	KPH(0,01*)	KPH(0,01*)	KPH(0,01*)	KPH(0,01*)
9	NH ₄ ⁺ tính theo N	SMEWW 4500NH ₃ &F:2017	<0,3	mg/l	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)
10	NO ₃ ⁻ tính theo N	TCVN 6180:1996	2	mg/l	0,09	0,14	0,09	0,08	0,23	0,71	0,14	0,11	0,39	0,08	0,22
11	PO ₄ ⁻ tính theo P	TCVN 6202:2008	0,2	mg/l	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)
12	TSS	TCVN 6625:2000	50	mg/l	5,4	6,2	7,4	4,2	5,0	4,2	4,4	4,6	4,2	16	4,4
13	COD	SMEWW 5220C:2017	≤10	mg/l	6	9	10	8	9	7	6	10	7	12	8
14	Coliform	TCVN 6187-2:2020	1000	MPN/100ml	KPH	344	145	KPH	50	25	18	1091	KPH	109	478
15	Vibrio spp	SMEWW 9260H:2017	≤1000	CFU/ml	330	61	119	31	39	55	Am tinh	28	21	37	53

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Giới hạn cho phép	Đơn vị tính	Vĩnh Thái	Vĩnh Sơn	Hiền Thành	Trung Giang	Gio Mai	Triệu An	Triệu Lãng	Triệu Phước	Hải An	Đông Giang	Đông Lễ
16	V.parahaemolyticus	SMEWW 9260H:2017	-	CFU/ml	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính
17	Mật độ và thành phần tảo	SMEWW 10200A-J:2017	-	Tế bào/lit	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Âm tính

Ghi chú:

+ Giới hạn cho phép theo: QCVN 08:2015/BTNMT-cột A1; QCVN 10-MT:2015/BTNMT; QCVN 02-19:2014/BNNPTNT); 28 TCN 101:1997 - Phụ lục 8.

+ KPH (...*): Không phát hiện tại giới hạn.

+ Âm tính: Không có.

2. Nhận xét kết quả và khuyến cáo

2.1. Nhận xét kết quả:

- **Mẫu nước ao nuôi đại diện:** (05 điểm lấy mẫu: Vĩnh Sơn, Trung Giang, Triệu Lãng, Hải An, Đông Giang).

+ Tại xã Vĩnh Sơn: Các thông số: Độ kiềm, H₂S, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, TSS, COD và *Vibrio* tổng số có giá trị cao hơn giới hạn cho phép; các thông số còn lại nằm trong giới hạn cho phép.

+ Tại xã Trung Giang: Các thông số N-NH₄⁺ và COD có giá trị cao hơn giới hạn cho phép; các thông số còn lại nằm trong giới hạn cho phép.

+ Tại xã Triệu Lãng: Các thông số N-NH₄⁺, COD, *Vibrio* tổng số và *Vibrio parahaemolyticus* có giá trị cao hơn giới hạn cho phép; các thông số còn lại nằm trong giới hạn cho phép.

+ Tại xã Hải An: Các thông số N-NH₄⁺, COD và *Vibrio* tổng số có giá trị cao hơn giới hạn cho phép; các thông số còn lại nằm trong giới hạn cho phép.

+ Tại phường Đông Giang: Các thông số N-NH₄⁺, TSS, COD, coliform, *Vibrio* tổng số và *Vibrio parahaemolyticus* có giá trị cao hơn giới hạn cho phép; các thông số còn lại nằm trong giới hạn cho phép.

- **Mẫu nước cấp:** (11 điểm lấy mẫu: Vĩnh Thái, Vĩnh Sơn, Hiền Thành, Trung Giang, Gio Mai, Triệu An, Triệu Lãng, Triệu Phước, Hải An, Đông Giang, Đông Lễ).

+ Tại các xã: Vĩnh Thái, Trung Giang, Triệu An, Triệu Lăng, Triệu Phước và Hải An các thông số môi trường có giá trị đều nằm trong giới hạn cho phép.

+ Tại các xã: Vĩnh Sơn, Hiền Thành và Gio Mai thông số pH có giá trị thấp hơn giới hạn cho phép; các thông số còn lại nằm trong giới hạn cho phép.

+ Tại phường Đông Giang: Độ mặn có giá trị thấp hơn giới hạn cho phép, COD có giá trị cao hơn giới hạn cho phép; các thông số còn lại nằm trong giới hạn cho phép.

+ Tại phường Đông Lễ: Độ kiềm có giá trị thấp hơn giới hạn cho phép; các thông số còn lại nằm trong giới hạn cho phép.

2.2. Khuyến cáo:

- Đối với ao nuôi:

+ Các cơ sở nuôi cần quản lý thức ăn tốt, tránh dư thừa tạo điều kiện cho tảo phát triển quá mức, ảnh hưởng đến tôm nuôi.

+ Đối với ao nuôi độ kiềm cao: Có thể thay nước 3 lần/tuần khoảng 20 - 30% lượng nước trong ao nuôi ao để làm giảm độ kiềm hoặc dùng mật đường 1 - 2 kg/1000m³. Ngoài ra, tảo trong ao phát triển mạnh cũng là nguyên nhân làm tăng độ kiềm, do đó cần kiểm soát tảo bằng cách sử dụng vi sinh xử lý tảo giúp giảm tảo để hạ độ kiềm trong ao nuôi.

+ Bên cạnh đó, các cơ sở nuôi cần tăng cường sục khí, định kỳ siphon đáy, kiểm soát thức ăn hàng ngày và định kỳ sử dụng các chế phẩm sinh học xử lý môi trường để giảm khí độc trong ao nuôi, hạn chế vi khuẩn có hại, ổn định môi trường và nâng cao chất lượng nước ao nuôi; bổ sung vitamin, khoáng chất vào thức ăn cho tôm ăn nhằm tăng sức đề kháng cho tôm.

+ Trong quá trình nuôi, thường xuyên kiểm tra các yếu tố môi trường trong ao nuôi để kịp thời xử lý khi có sự biến động bất lợi đối với tôm nuôi. Đồng thời, chuẩn bị nguồn nước sẵn sàng trong ao lắng để đảm bảo đủ nguồn cấp nước vào ao nuôi khi cần thiết.

- Đối với vùng nước cấp:

+ Có thể sử dụng nguồn nước cấp trong đợt quan trắc này để cấp cho ao nuôi tôm ở khu vực các xã: Vĩnh Thái, Trung Giang, Triệu An, Triệu Lăng, Triệu Phước và Hải An.

+ Không sử dụng trực tiếp nguồn nước cấp để cấp vào ao nuôi tôm ở các xã, phường: Vĩnh Sơn, Hiền Thành, Gio Mai, Đông Giang và Đông Lễ do có một số thông số có giá trị nằm ngoài giới hạn quy định. Các cơ sở nuôi cần lấy nước và xử lý nước trong ao lắng/lọc trước khi cấp vào ao nuôi theo quy trình lấy và xử lý nước như sau: 1) Khi cấp nước, lấy qua túi lọc dày (đường kính lỗ lọc $\leq 200 \mu\text{m}$) ở thời điểm đỉnh triều để loại bỏ rác, ấu trùng, tôm, cua, còng, ốc, côn trùng, cá tạp vào ao lắng;

2)Xử lý nước trong ao lắng/lọc: Sử dụng các hoá chất khử trùng được phép lưu hành trên thị trường (Chlorine: 10-20 mg/L) để khử trùng nước. Đối với nguồn nước cấp có độ kiềm và pH thấp, cần bón vôi để nâng độ kiềm và pH lên khoảng phù hợp. Đối với nguồn nước cấp có độ mặn thấp, chỉ lấy lượng ít để pha loãng vào ao chứa sao cho độ mặn trong ao phù hợp để cấp vào ao nuôi hoặc ngưng cấp nước đến khi nước có độ mặn phù hợp mới lấy vào ao chứa; 3)Giữ nước trong ao lắng 1-2 ngày và chạy quạt khí để giảm hàm lượng khí độc, loại bỏ hoá chất khử trùng trong nước; 4)Kiểm tra các yếu tố môi trường trước khi cấp nước cho ao nuôi.

Đề nghị các đơn vị, địa phương liên quan thông báo kết quả quan trắc và khuyến cáo đến cơ sở nuôi biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy sản (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Chi cục Trưởng (b/c);
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (p/h);
- Trung tâm Quan trắc TN&MT (p/h);
- Phòng NN&PTNT các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng;
- Phòng Kinh tế thành phố Đông Hà;
- UBND các xã, phường: Vĩnh Thái, Hiền Thành, Vĩnh Sơn, Trung Giang, Gio Mai, Triệu An, Triệu Lăng, Triệu Phước, Hải An, Đông Giang, Đông Lễ;
- Bản tin Nông nghiệp tỉnh;
- Lưu: VT, TS.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Phạm Văn Hòa